

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/TCDS-ST

Ngày: 26-9-2018

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng
đất lâm nghiệp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Bích Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Xuân Phẫu

2. Bà Trần Thị Phúc Tuệ

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình: Ông Phan Quang Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2016/TLST-TCDS ngày 01 tháng 7 năm 2016 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐST- DS ngày 17/7/2018, Quyết định hoãn phiên toà ngày 01/8/2018; Quyết định hoãn phiên toà ngày 17/8/2018 và Thông báo xét xử số: 09 ngày 12/9/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Chị Nguyễn Thị Bích Q – Sinh năm: 1984 - Trú tại: Thôn 5 T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (có mặt)

2/ Anh: Nguyễn Minh Ng – Sinh năm: 1986

3/ Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1990

Đều trú tại: Thôn 5 T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

4/ Chị Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1988

Trú tại: Xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

5/ Chị: Nguyễn Thị Thảo – Sinh năm: 1993

Trú tại: Xóm T, xã H, Huyện H - Tỉnh T.

Các nguyên đơn có tên trên đều là con đẻ của ông Nguyễn Đình Q (đã chết) và uỷ quyền cho chị Nguyễn Thị Bích Q khởi kiện đối với:

- Bị đơn: Ông Võ Hữu C Sinh năm: 1956

Trú tại: Thôn 3 T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Vũ Xuân H

Địa chỉ: 85 T, tổ dân phố 10, phường B, thành phố H, Quảng Bình. (vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hồ Duy P – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Quảng Bình theo văn bản uỷ quyền ngày 12/9/2016 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết và tại phiên toà chị Nguyễn Thị Bích Q trình bày: Năm 2014 bố đẻ chị là ông Nguyễn Đình Q lúc còn sống được cấp một thửa đất rừng bảo vệ là thửa đất số 138, tờ bản đồ số 35, diện tích được cấp là 20623,7m² tại khu vực Sa Vọng, xã Thanh Hoá, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00879 do UBND huyện T cấp ngày 18/02/2014.

Đến tháng 10 năm 2015 gia đình ông Võ Hữu C ở thôn 3 T đã tự ý phát sả và trồng rừng trên lô đất của bố chị và một số hộ liền kề rồi lấn chiếm đất. Chị và gia đình đã có đơn gửi UBND xã nhờ can thiệp và giải quyết song gia đình ông Võ Hữu C không chấp hành mà vẫn tiếp tục trồng keo trên lô đất của gia đình chị với chiều dài khoảng 135m, rộng 27,97m, cây keo lớn nhất cao 1,2cm, cây thấp nhất 0,40cm và một số cây keo đã trồng 03 năm, diện tích đất lấn chiếm khoảng 325,94m². Gia đình chị đã nhiều lần gặp gia đình ông Võ Hữu C trao đổi và yêu cầu ông C trả lại đất song ông C vẫn không chấp nhận. Do đó chị làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc gia đình ông C trả lại cho gia đình chị diện tích đất đã bị lấn chiếm tại khu vực Sa Vọng xã T.

Tại bản tự khai của bà Hoàng Thị P (vợ ông Võ Hữu C) được ông C uỷ quyền tham gia tố tụng trình bày: Gia đình bà được bố đẻ là ông Hoàng H (đã mất năm 2006) để lại cho mảnh đất ở khu vực Sa V, xã T, gia đình đã sử dụng từ năm 2000 đến nay, mảnh đất đó có vị trí: Phía Đông giáp đường mòn Hồ Chí Minh, phía Tây giáp đá Bách Tài, phía Bắc giáp đất Minh Hảo, phía Nam giáp gia đình Uyên L. Từ năm 2000 gia đình bà đã trồng nhiều cây ăn trái trên mảnh đất đó như: Cam, chanh, tre và trồng rất nhiều cây keo cách đây khoảng 6 năm, có một số diện tích khoảng 7 - 8 héc ta đất đã rào hàng rào thép gai kiên cố. Tổng diện tích khoảng 20 héc ta, mảnh đất đó gia đình đã sử dụng ổn định từ trước đến nay không có tranh chấp với ai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2014 UBND huyện T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đình Q (Bố đẻ của chị Q) và nhiều hộ gia đình khác trên diện tích đất của gia đình đã sử dụng từ trước đến nay, gia đình bà không biết UBND huyện đã cấp cho ông Nguyễn Đình Q và nhiều hộ gia đình khác đến khi có giấy mời giải quyết tại xã thì gia đình mới biết. Đã nhiều lần gia đình làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được giải quyết. Gia đình thấy rằng việc cấp đất cho ông Q

là sai và đã làm bản tường trình và đơn khiếu nại lên UBND xã nhưng đến nay chưa nhận được trả lời của các cơ quan có thẩm quyền.

Theo bà P việc cấp đất của UBND huyện cho gia đình ông Q là sai, vì đất của gia đình bà đã làm từ lâu không lấn chiếm đất của gia đình ông Q. UBND xã không có thông báo cho gia đình bà biết về việc lấy đất của gia đình bà cấp cho gia đình ông Q, không thông báo họp dân nên bà không biết. Bà Ph khẳng định đất của gia đình bà sử dụng không lấn chiếm của ông Nguyễn Đình Q nên bà không nhất trí việc trả lại đất theo đơn khởi kiện của chị Q và đề nghị toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/8/2016 ông Võ Hữu C và bà Hoàng Thị P đã uỷ quyền lại cho ông Vũ Xuân H là người đại diện ông Cơ bà P, thay mặt ông Cơ bà P tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai của ông Vũ Xuân H ngày 18/10/2016, ông H trình bày:

Đây là một vụ tranh chấp và ai là người có quyền sử dụng đất, quản lý rừng trồng và rừng tự nhiên sản xuất trên một phần diện tích đất lâm nghiệp, giữa một bên là ông Nguyễn Đình Q được UBND huyện ra Quyết định 107 ngày 23/01/2104 giao đất theo khoản 7, Điều 3 “*Nhà nước giao quyền sử dụng đất (sau đây gọi là nhà nước giao đất)*” của Luật đất đai năm 2013 và một bên là gia đình ông Võ Hữu Cơ là người quản lý và sử dụng đất thực tế theo khoản 9, Điều 3 Luật Đất Đai 2013 “*Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất*” là việc Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người đang sử dụng đất ổn định mà không có nguồn gốc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với thửa đất xác định. Tức là đất của gia đình ông C đủ điều kiện để được nhà nước công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về thời gian sử dụng đất của ông C, nếu tính cả thời gian bố vợ là ông Hoàng H sử dụng canh tác trước đây thì vào thập niên 80 của thế kỷ trước, trước cả Luật Đất Đai 1987 và trước ngày 15/10/1993 khi Luật Đất Đai 1993 có hiệu lực gia đình ông Cơ đã tiếp quản và sử dụng vào đầu những năm 2000, trước ngày 01/7/2004 khi Luật Đất Đai 2003 có hiệu lực. Gia đình ông Võ Hữu C sử dụng đất liên tục, ổn định không có tranh chấp với ai. Ông C đã thuê máy làm đường, đào ao thả cá, làm nhà trại, trồng cây hoa màu, trồng cây ăn quả và keo lai rất nhiều lứa, Đặc biệt bỏ ra rất nhiều tiền để làm hàng rào kẽm gai bao quanh để bảo vệ khu đất mà mình đang sử dụng (có các hộ dân sinh sống xung quanh khu vực Sa Vọng xác nhận công sức tôn tạo, lao động, sản xuất và được UBND xã T xác nhận chữ ký).

Về diện tích gia đình ông C sử dụng là bao nhiêu? Trên thực tế gia đình ông C vừa canh tác chăn nuôi, trồng keo và khoanh nuôi bảo vệ rừng với một diện tích rất lớn. Trong khoảng thời gian này ông C đã rất nhiều lần đề nghị với thôn và chính quyền xã T xin được làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 20 ha đất mà ông cơ đang quản lý nhưng đều không được chấp nhận Cụ thể:

- Ngày 01/01/2003 gia đình ông C đã lập Tờ trình về việc “Xin đòi trồng sản công nghiệp xuất khẩu”, có xác nhận ngày 9/4/2003 của trưởng thôn Nguyễn Văn N tại thời điểm đó (hiện tại ông N đã chết). Với diện tích gồm 20 ha, cụ thể tứ cạnh

như sau: Đông – giáp đường HCM, Tây – giáp rừng lâm trường, Nam – giáp công Sa Vọng, Bắc – giáp lèn và nhà ông M.

- Ngày 01/01/2004 gia đình ông C lại làm Đơn xin đất lập trang trại gửi UBND và địa chính xã T tại khu vực Sa Vọng với diện tích là 20 ha đang sử dụng có sự xác nhận ngày 28/10/2004 của trưởng thôn Nguyễn Văn N tại thời điểm đó.

Nhưng cả hai đơn đều không được UBND xã T trả lời hoặc hướng dẫn việc làm hồ sơ xin cấp GĐKQSDĐ cho gia đình ông C.

- Ngày 30/10/2012, UBND xã T đã có công văn số 45/CV-UBND “Về việc trả lời đơn trình bày của ông Võ Hữu C”, khi ông C tiếp tục đề nghị xã cấp lô đất lâm nghiệp tại khu vực Sa V cho gia đình và nội dung của công văn này hàm chứa trả lời các lá đơn xin cấp đất với diện tích 20 héc ta của gia đình ông C. Tại công văn này, UBND xã T trả lời không thể xét cấp lô đất đó cho bất cứ hộ gia đình nào cả vì: UBND xã đã quy hoạch khu chăn nuôi tập trung theo nghị quyết của HĐND xã theo đề án xây dựng nông thôn mới, trong khi theo quy hoạch năm 2010 của huyện T là quy hoạch đất rừng khoanh nuôi bảo vệ.

Vậy mà đến năm 2014, thì phần lớn diện tích đất mà gia đình ông C đang quản lý, sử dụng trên thực tế khoảng 10 héc ta và đã từng làm đơn xin được cấp GCNQSDĐ đất rất nhiều lần bị từ chối, UBND xã T cho rằng đây là quy hoạch khu chăn nuôi tập trung theo nghị quyết HĐND xã theo đề án xây dựng nông thôn mới nên không thể xem xét cấp lô đất đó cho bất cứ hộ gia đình nào, lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 14 hộ khác mà người quản lý, sử dụng đất trực tiếp là gia đình ông C lại hoàn toàn không hay biết.

Ông Vũ Xuân H (đại diện ông Võ Hữu C) có xuất trình cho Toà án giấy xin xác nhận mốc thời gian sử dụng đất không có tranh chấp từ năm 2000 cho đến nay, của những người làm chứng là ông Nguyễn Hữu B, ông Nguyễn Trung T, ông Nguyễn Văn M, ông Hoàng Văn M và bà Lê Thị T.

Toà án đã triệu tập những người làm chứng theo yêu cầu của ông Vũ Xuân H nhưng những người làm chứng trên chỉ khẳng định việc sử dụng đất của gia đình ông C từ năm 2000 cho đến năm 2014 ổn định không có tranh chấp với ai, ngoài ra không làm chứng thêm vấn đề gì khác và cũng không đến Toà án khi được Toà án triệu tập các lần tiếp theo.

Ngày 22/9/2016 ông Vũ Xuân H có Đơn yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện T và đề nghị Toà án nhân dân huyện T tuyên sửa một phần Quyết định 107/QĐ-UBND ngày 23/01/2014 về việc : Giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ gia đình cá nhân tại xã T của UBND huyện T liên quan đến thửa đất 138 tờ bản đồ số 35 của ông Nguyễn Đình Q và tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số : BQ 628269, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00879 thửa đất 138 tờ bản đồ số 35 UBND huyện T đã cấp cho ông Nguyễn Đình Q. Nhưng xét thấy người làm đơn yêu cầu là ông Vũ Xuân Hải (người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn) là không đúng, mà người yêu cầu phải là ông Võ Hữu C nên Toà án đã thông báo cho ông Vũ Xuân H và ông Võ Hữu C biết và yêu cầu ông H sửa đổi lại đơn yêu cầu, nhưng ông H

không sửa đổi đơn yêu cầu độc lập. Do đó Toà án không chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của ông Vũ Xuân H.

Ngày 06/12/2016 chị Nguyễn Thị Bích Q làm đơn yêu cầu Toà án thành lập Hội đồng thẩm định xem xét tại chỗ và định giá tài sản trên đất tranh chấp. Toà án nhân dân huyện T đã thành lập Hội đồng thẩm định và định giá tài sản và tiến hành thẩm định, xem xét tại chỗ, đồng thời dùng máy định vị GPS đo đạc lại toàn bộ diện tích thửa đất đã cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Đình Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kết quả thẩm định đã xác định: Toàn bộ diện tích thửa đất đang tranh chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đình Q mà gia đình ông Võ Hữu C lấn chiếm là 4.715,9m² (bốn nghìn bảy trăm mười lăm phẩy chín mét vuông).

Cụ thể, phần đất gia đình ông Võ Hữu C lấn chiếm có các điểm như sau:

- Điểm 1: X = 1987682,57 m; Y = 479215,14 m
- Điểm 2: X = 1987750,52 m; Y = 479333,08 m
- Điểm 3: X = 1987733,01 m; Y = 479354,89 m
- Điểm 4: X = 1987649,17 m; Y = 479239,27 m

Có độ dài các điểm như sau:

- Điểm 1 đến điểm 2 dài: 136,11 m
- Điểm 2 đến điểm 3 dài: 27,97m
- Điểm 3 đến điểm 4 dài: 142,82 m
- Điểm 4 đến điểm 1 dài: 41,20 m

Như vậy tổng diện tích đất của gia đình chị Nguyễn Thị Bích Q bị hộ gia đình ông Võ Hữu C lấn chiếm là 4.715,9m² có các cạnh;

- Phía Bắc giáp với đất rừng sản xuất hộ ông Đinh Minh Ch và Ủy ban nhân dân xã T.

- Phía Nam giáp với đất rừng sản xuất hộ ông Nguyễn Văn P.

- Phía Đông giáp với đất rừng của Ủy ban nhân dân xã quản lý

- Phía Tây giáp với phần đất rừng sản xuất của hộ gia đình ông Đinh Minh Ch. Hiện trên diện tích đất này hộ gia đình ông Võ Hữu C đang trồng cây keo.

Cùng ngày Hội đồng định giá đã tiến hành định giá tài sản trên đất tranh chấp. Căn cứ Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định về bảng giá các loại đất và phân loại đô thị, loại xã, khu vực, vị trí đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2015 – 2019.

Căn cứ Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc ban hành bảng giá các loại cây trồng, hỗ trợ nuôi trồng thủy sản, phân lăng mộ và hỗ trợ di chuyển để bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Hội đồng định giá đã xác định:

+ Tổng diện tích đất lâm nghiệp của hộ gia đình chị Nguyễn Thị Bích Q bị hộ gia đình ông Võ Hữu C chiếm và trồng cây keo là 4.715,9m², xác định diện tích của vùng đất có tranh chấp là 4.715,9m², đơn giá là 4.000 đồng/m². Vậy giá trị của vùng đất có diện tích 4.715,9m² x 4.000 đ = 18.863.600 đồng (Mười tám triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm đồng).

Qua xem xét thực tế tài sản trên đất có Keo đã trồng có phi từ 2 – 5cm, diện tích keo trồng chiếm 90% diện tích đất thực tế đo.

$$4.715,9\text{m}^2 \times 90\% = 4.244,3\text{m}^2$$

Giá trị cây Keo trên đất: $4.244,3 \times 22.260\text{đ/ha} = 9.447.800\text{đ}$

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 28.311.400đ (hai mươi tám triệu ba trăm mười một nghìn bốn trăm đồng). Trong đó giá trị Keo là 9.447.800đ

Ngày 28 tháng 12 năm 2016 chị Nguyễn Thị Bích Q có Đơn khởi kiện bổ sung thay đổi yêu cầu khởi kiện về diện tích ban đầu khởi kiện ông Võ Hữu C lấn chiếm khoảng 325,94m² nhưng kết quả thẩm định thực tế diện tích là 4715,94m². Vì vậy chị Q thay đổi nội dung khởi kiện với diện tích ông Võ Hữu C đã lấn chiếm là 4.715,9m² và yêu cầu ông Võ Hữu C trả lại phần đất đã lấn chiếm cho gia đình chị theo kết quả đo đạc là 4.715,9m².

Toà án nhân dân huyện T đã ra thông báo bổ sung đơn khởi kiện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện T, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án biết.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2016 của ông Hồ Duy P đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (UBND huyện T) trình bày: Thực hiện dự án hoàn thiện hồ sơ địa chính tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2010 – 2015 về giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài trên địa bàn huyện T trong đó có xã T.

Kiểm tra quy trình, hồ sơ, thủ tục trình tự giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân, trên địa bàn xã Thanh Hoá trong đó có hộ gia đình ông: Nguyễn Đình Q (bố đẻ chị Nguyễn Thị Bích Q), thường trú tại thôn 5, T, xã T, huyện T, Tỉnh Quảng Bình.

Ngày 07/9/2010 UBND xã T tổ chức họp thôn 5 T và ngày 25/11/2011 họp toàn thôn bàn biện pháp làm đơn đăng ký để giao đất, giao rừng đến từng hộ gia đình, cá nhân theo chủ trương của nhà nước và kế hoạch của UBND huyện, UBND xã.

Ngày 31/10/2012 đại diện hộ gia đình ông Nguyễn Đình Q - Trú tại thôn 5 T, xã T làm đơn xin giao đất nông nghiệp: Thửa số 138, tờ bản đồ số 35, diện tích 20.623,7m². Để sử dụng vào mục đích sản xuất lâm nghiệp. Có xác nhận của cán bộ địa chính xã T. Danh sách các đối tượng đăng ký nhận đất lâm nghiệp, nhận rừng toàn thôn 5 T, xã T có 121 hộ trong đó có hộ ông Nguyễn Đình Q, số thứ tự trong danh sách là số 118.

Ngày 18/11/2013 UBND xã Thanh H đã ra Quyết định số: 61/QĐ – UBND v/v thành lập Hội đồng tư vấn giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn xã T.

Ngày 21/11/2013 Hội đồng tư vấn đăng ký QSD đất xã T đã có biên bản họp xét các đơn xin giao đất lâm nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã có 11 thôn bản, có 788 hộ, có 791 thửa, 15295512,3m². Hội đồng có 22 thành viên đều ký vào biên bản.

Ngày 22/11/2013 danh sách công khai các đối tượng được hội đồng đăng ký đất đai xã xem xét đủ điều kiện nhận đất lâm nghiệp, nhận rừng toàn thôn 5 T, xã T

có 121 hộ trong đó có hộ ông Q, số thứ tự trong danh sách là số 118 (thôn 5 T). Thửa số 138, tờ bản đồ số 35, diện tích 20.623,7m².

Ngày 25/11/2013 UBND xã T đã có thông báo số: 29/TB – UBND V/v công khai kết quả xét duyệt hồ sơ giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp.

Căn cứ hồ sơ đã thiết lập gồm: Bản đồ quy hoạch sử dụng đất xã T giai đoạn 2010 – 2015; bản đồ quy hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2015; Bản đồ quy hoạch chi tiết ba loại rừng; Bản đồ hiện trạng và trữ lượng rừng; Biểu thống kê hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp; Hồ sơ danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện đã được hội đồng đăng ký đất đai xã xem xét giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp.

Ngày 11/12/2013 UBND xã T có biên bản kết thúc công khai các trường hợp đủ điều kiện giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp. Tổng số thôn 5 Thanh lạng có 121 hộ nhận đất rừng (thời gian công khai 15 ngày kể từ ngày 25 tháng 11 đến hết ngày 11 tháng 12 năm 2013) trong quá trình công khai không có đơn thư khiếu nại nào đối với các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các loại hồ sơ được thiết lập đầy đủ, đúng quy định . Trên cơ sở các hồ sơ đã thiết lập UBND xã T đã làm tờ trình số 54/TT – UBND ngày 12/12/2013 V/v đề nghị xin giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; Phòng Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra hồ sơ của UBND xã về trình tự đầy đủ, đúng quy định và lập tờ trình V/v đề nghị giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho xã T.

Ngày 23/01/2014 UBND huyện đã ban hành quyết định: 107/QĐ – UBND V/v giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình ở xã T theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Quá trình giao đất Lâm nghiệp, giao rừng đến các hộ gia đình, cá nhân, để quản lý bảo vệ lâu dài vào mục đích Lâm nghiệp cho địa bàn xã T trong đó có hộ ông Nguyễn Đình Q được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật đất đai 2003, Luật bảo vệ và phát triển rừng ngày 03/12/2004; Nghị định số 163/1999/NĐ – CP ngày 16/11/1999 của Thủ tướng chính phủ V/v thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp; Nghị định 181/2004/NĐ – CP ngày 29/10/2010 của Chính phủ về Thi hành luật đất đai. Nghị định số 38/2011/NĐ – CP ngày 26/5/2011 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định 181, Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT – BNNPTNT – BTNMT ngày 29/01/2011 của Bộ tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp.

Quá trình kiểm tra thực địa đối chiếu với bản đồ, hồ sơ sổ sách địa chính xác định diện tích các loại đất sử dụng đối với hộ ông Nguyễn Đình Q đang sử dụng thửa đất số 138, tờ bản đồ số 35, diện tích 20.623,7m², loại đất rừng sản xuất, bản đồ giao đất lâm nghiệp của xã T.

Kiểm tra hồ sơ xin giao đất và cấp giấy chứng nhận QSD đất lâm nghiệp của hộ ông Võ Hữu C và bà Hoàng Thị P, thường trú tại: Thôn 3 T, xã T. Hồ sơ giao đất nông nghiệp được thiết lập tại thửa số 114, tờ bản đồ số 35, diện tích 19.801,2m², mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất. Nền danh sách công khai được lập ngày 22/11/2013 về các trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có hộ ông Võ Hữu C (lý do hộ gia đình ông Võ Hữu C không đăng ký hồ sơ) nên hộ ông Võ Hữu C không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp.

Ngày 29/12/2016 Toà án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ cho Toà án T đối với Phòng tài nguyên và môi trường huyện T về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đình Q (bố đẻ chị Q) và ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Lý do: cần đợi cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Toà án mới giải quyết được vụ án. Đến ngày 07/6/2017 UBND huyện T mới cung cấp cho Toà án các tài liệu, chứng cứ về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Đình Q. Nên ngày 08/6/2017 Toà án nhân dân huyện Tuyên T đã ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự.

Ngày 16/7/2017 ông Võ Hữu C có Đơn kiến nghị về việc đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ việc dân sự và cho rằng UBND huyện T không có quyết định thu hồi đất, đền bù đất và tài sản gắn liền với đất đối với đất hoàn toàn đủ điều kiện để được Nhà nước công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông mà lấy đất đang sử dụng của gia đình ông để cấp cho các hộ dân khác là trái pháp luật. Do đó song song với vụ án này ông Võ Hữu C đã làm đơn khởi kiện vụ án hành chính, khởi kiện Quyết định 107/QĐ – UBND ngày 23/01/2014 về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã T của UBND huyện T tại Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình vào ngày 17/10/2016. Vụ án hành chính này đang được Toà án cấp cao tại Đà Nẵng thụ lý, giải quyết ở giai đoạn phúc thẩm. Tuy nhiên ông Vũ Xuân H, ông Võ Hữu C và bà Hoàng Thị P không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc liên quan đến vụ án hành chính khởi kiện Quyết định 107/QĐ – UBND ngày 23/01/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Tuyên Hoá mà Toà án cấp cao tại Đà Nẵng đang thụ lý, giải quyết. Do vậy Đơn kiến nghị đề nghị Toà án tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án của ông Võ Hữu C không có căn cứ để xem xét và không được Toà án chấp nhận.

Ngày 24/7/2017 ông Võ Hữu C có Đơn yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Tuyên H đề nghị Toà án tuyên sửa một phần quyết định 107/QĐ-UBND ngày 23/01/2014 “về việc: Giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân tại xã Thanh Hoá” của UBND huyện T liên quan đến thửa đất 13, tờ bản đồ số 35 của ông Nguyễn Đình Q để điều chỉnh lại diện tích đất chồng lấn cho phù hợp với hiện trạng sử dụng đất thực tế của gia đình ông Võ Hữu C và đề nghị Toà án tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 138 tờ bản đồ số 35 mà UBND huyện T đã cấp cho ông Nguyễn Đình Q để cấp lại cho phù hợp với hiện trạng sử dụng đất trên thực tế. Tuy nhiên yêu cầu của ông Võ Hữu C là không có cơ sở và

không đúng pháp luật nên không được Toà án chấp nhận Đơn yêu cầu độc lập của ông Võ Hữu C.

Ngày 08/8/2017 anh Võ Nam T (con trai của ông Võ Hữu C) đã nộp cho Toà án Thông báo về việc thụ lý vụ án hành chính và bản án hành chính của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa người khởi kiện là ông Võ Hữu C và người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: (14 hộ dân) trong đó có hộ ông Nguyễn Đình Q và Thông báo thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc “Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo đơn kháng cáo của ông Võ Hữu C.

Ngày 18/8/2017 Toà án nhân dân huyện T đã có công văn số 01 gửi đến Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và yêu cầu Toà án cấp cao tại Đà Nẵng thông báo kết quả giải quyết vụ án hành chính phúc thẩm có liên quan đến vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất mà Toà án nhân dân huyện T đang thụ lý để Toà án T có cơ sở xem xét. Đồng thời ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Lý do: “Cần đợi kết quả giải quyết vụ án khác có liên quan hoặc sự việc được pháp luật quy định là phải do cơ quan tổ chức khác giải quyết trước mới giải quyết được vụ án”.

Đến ngày 23/3/2018 Toà án cấp cao tại Đà Nẵng đã có công văn trả lời về việc cung cấp kết quả vụ án hành chính có liên quan đến vụ án dân sự mà Toà án nhân dân huyện T đang giải quyết. Đồng thời gửi kèm theo công văn là Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hành chính giữa người khởi kiện là ông Võ Hữu C đối với người bị kiện là UBND huyện T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã T, ông Nguyễn Đình Q và 14 hộ dân (theo danh sách) đều trú tại : Thôn 5, T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Lý do đình chỉ: Ông Võ Hữu C có đơn xin rút đơn kháng cáo phúc thẩm.

Do vậy, Toà án nhân dân huyện T đã ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự. Tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có mặt ông Hồ Duy P đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, còn nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không thể thực hiện việc tiếp tục hoà giải giữa các bên đương sự. Toà án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng phía bị đơn và người đại diện bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2, Hội đồng xét xử phải ra Quyết định hoãn phiên toà xét xử.

Tại phiên toà hôm nay bị đơn và người đại diện bị đơn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Toà án triệu tập họp lệ đến lần thứ 3.

Phía nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Võ Hữu C và đề nghị Hội đồng xét xử buộc gia đình ông Võ Hữu C trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm cho gia đình chị theo kết quả đã xác định của Hội đồng thẩm định. Đồng thời xin được sở hữu số cây trồng trên đất và có trách nhiệm thanh toán giá trị cây trồng cho ông Võ Hữu C theo kết quả của Hội đồng định giá là 9.447.800 đồng.

Đại diện UBND huyện T khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đình Q là đảm bảo thủ tục, qui trình và đúng qui định của pháp luật, đề nghị hộ ông Võ Hữu C trả lại đất đã lấn chiếm cho hộ ông Nguyễn Đình Q theo kết quả của Hội đồng thẩm định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, lời khai của các bên đương sự và các chứng cứ đã thu thập được, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định: Ông Nguyễn Đình Q (bố đẻ chị Nguyễn Thị Bích Q) được cấp một thửa đất rừng bảo vệ, thuộc thửa đất số 138, tờ bản đồ số 35, địa chỉ thửa đất tại khu vực V xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình với diện tích là: 20623,7m². Giấy chứng nhận số : CH00879 do UBND huyện cấp ngày 18/02/2014. Đến tháng 10 năm 2015 gia đình ông Võ Hữu C đã phát rừng và trồng cây trên lô đất của ông Nguyễn Đình Q nên chị Q đã có đơn gửi UBND xã nhờ can thiệp và giải quyết, UBND xã T đã hoà giải nhưng không có kết quả, gia đình ông Võ Hữu C không chấp nhận trả lại đất mà vẫn tiếp tục trồng keo trên lô đất của ông Nguyễn Đình Q nên chị Q và các nguyên đơn (đều là con đẻ của ông Nguyễn Đình Q) đã làm đơn khởi kiện đối với ông Võ Hữu C.

Quá trình giải quyết Toà án đã triệu tập hai bên đương sự và tiến hành hoà giải nhiều lần, nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Q và đại diện các nguyên đơn khác (theo uỷ quyền) yêu cầu bị đơn phải trả lại đất cho gia đình chị theo kết quả đo đạc của Hội đồng thẩm định. Bị đơn và đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết đều khẳng định không lấn chiếm đất của nguyên đơn và cho rằng đất đang tranh chấp có nguồn gốc là do bố mình để lại, nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Đình Q (là bố đẻ của chị Q) được UBND huyện T cấp cho một thửa đất rừng bảo vệ thuộc thửa đất số 138, tờ bản đồ số 35 tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình với diện tích là: 20623,7m². Giấy chứng nhận số: CH00879 cấp ngày 18/02/2014 việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được thực hiện đúng qui trình của Bộ tài nguyên và Môi trường, đúng thủ tục theo pháp luật quy định là căn cứ pháp lý để nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Q khởi kiện đối với bị đơn ông Võ Hữu C.

[2] Phía bị đơn ông Võ Hữu C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặc dù gia đình ông Võ Hữu C đã sử dụng ổn định không có tranh chấp với ai nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình tại bản án số 05/2017 HC – ST ngày 10/02/2017 thì diện tích đất ông C đang sử dụng không thuộc trường hợp là đất sử dụng ổn định để được công nhận quyền sử dụng đất vì đây là đất rừng thuộc quyền quản lý của UBND xã T. Nên ông C không có quyền sử dụng đất để trồng cây. Mặt khác ông C cũng không xuất trình được bất cứ, tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh quyền sử dụng đất của mình là hợp pháp, ông C và người đại diện của ông C là ông Vũ Xuân H cho rằng thửa đất đó của bố vợ ông C để lại là không có cơ sở và không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Quá trình giải quyết phía bị đơn và đại diện bị đơn chỉ có mặt lần đầu còn các lần Toà án triệu tập tiếp theo đều

vắng mặt. Tại phiên toà hôm nay vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vắng mặt của bị đơn là cố tình gây khó khăn và kéo dài việc giải quyết vụ án. Vì vậy cần áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 227 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn theo qui định của pháp luật.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/12/2016 đã xác định: Tổng diện tích đất của ông Nguyễn Đình Q được cấp là 20623,7m². Diện tích hộ gia đình ông Võ Hữu C đã lấn chiếm 4.715,9m². Như vậy, gia đình ông Võ Hữu C đã lấn chiếm đất của ông Nguyễn Đình Q (bố đẻ chị Q) là 4.715,9m², nên việc khởi kiện đòi lại đất bị lấn chiếm của chị Nguyễn Thị Bích Q và đại diện các nguyên đơn đối với ông Võ Hữu C là có căn cứ và cần chấp nhận.

Xét yêu cầu độc lập của phía bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật nên cần áp dụng khoản 6 Điều 72 BLTTDS bác đơn yêu cầu độc lập của ông Vũ Xuân H và ông Võ Hữu C.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 135 và Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích Q (là con đẻ của ông Nguyễn Đình Q) toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp hiện nay gia đình ông Võ Hữu C đã lấn chiếm và trồng cây keo là 4.715,9m².

Hiện trên phần đất đang tranh chấp này có trồng cây keo chưa đến thời điểm thu hoạch. Do đó cần giao lại cho chị Nguyễn Thị Bích Q (đại diện cho các nguyên đơn) được sở hữu toàn bộ số cây keo này. Buộc chị Q phải có nghĩa vụ trả lại giá trị tiền cây keo là 9.447.800đ (chín triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, tám trăm đồng) theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản ngày 27/12/2016.

[3] Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị Bích Q đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 4.000.000 đ (Bốn triệu đồng chẵn) đã chi phí cho Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 3.200.000 (Ba triệu hai trăm nghìn đồng). Do yêu cầu của chị Q được Toà án chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Bích Q không phải chịu chi phí thẩm định và định giá tài sản. Cần áp dụng các Điều 157, Điều 158, Điều 165, khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 buộc ông Võ Hữu C phải chịu toàn bộ số tiền đã chi phí thẩm định và định giá tài sản và hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích Q số tiền là 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền 800.000 đồng còn thừa Toà án nhân dân huyện T trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích Q.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu tại phiên toà: Đối với Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên toà Hội đồng xét xử đã đảm bảo thủ tục, thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với thư ký Toà án đã thực hiện đúng nhiệm vụ của mình theo qui định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về phía các đương sự: nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật, hợp tác với Toà án; bị đơn, người đại diện của bị đơn quá trình giải quyết vắng mặt, tại phiên toà tiếp tục vắng mặt thiếu sự hợp tác với Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp

dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt ông Võ Hữu C và người đại diện theo uỷ quyền của ông Võ Hữu C là ông Vũ Xuân H. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích Q đối với ông Võ Hữu C. Áp dụng Điều 166, 189, 190 BLDS năm 2015, Điều 135, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 xử buộc ông Võ Hữu C phải trả lại diện tích 4.715,9m² đất cho ông Nguyễn Đình Q (bố đẻ chị Nguyễn Thị Bích Q) mà ông Võ Hữu C đã lấn chiếm. Chị Nguyễn Thị Bích Q được sở hữu toàn bộ số cây keo ông C đã trồng trên diện tích đất và có nghĩa vụ trả lại cho ông Võ Hữu C số tiền 9.447.800 đồng giá trị cây trồng trên đất. Buộc ông Võ Hữu C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T là có cơ sở và đúng pháp luật, nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Bích Q đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng theo biên lai số 0002471 ngày 01/7/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình nhưng được Tòa án chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Hữu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ và 300.000đ án phí về yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận.

Án phí có giá ngạch: Chị Nguyễn Thị Bích Q phải chịu 5% án phí có giá ngạch của giá trị số cây keo là 9.447.800đ tức là 472.390 đồng nhưng chị Q được khấu trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp trước. Vậy chị Q phải nộp thêm số tiền còn thiếu là 272.390 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Từ những căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp” của chị Nguyễn Thị Bích Q (đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn) đối với bị đơn ông Võ Hữu C.

1. Áp dụng khoản 6 Điều 72, điểm b, đ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt ông Võ Hữu C và người đại diện hợp pháp của ông C (ông Vũ Xuân H). Bác đơn yêu cầu độc lập của ông Võ Hữu C và ông Vũ Xuân H.

Áp dụng Điều 166, 189, 190 BLDS năm 2015; Điều 135, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013, xử : Buộc ông Võ Hữu C phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích Q (đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn là con đẻ của ông Nguyễn Đình Q) toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp ông Võ Hữu C đã lấn chiếm là 4.715,9m² . Có vị trí các cạnh như sau:

- Phía Bắc giáp với đất rừng sản xuất hộ ông Đình Minh Ch và Ủy ban nhân dân xã T.

- Phía Nam giáp với đất rừng sản xuất hộ ông Nguyễn Văn P.
- Phía Đông giáp với đất rừng của Ủy ban nhân dân xã quản lý
- Phía Tây giáp với đất rừng sản xuất của hộ ông Đinh Minh Ch.

Theo Biên bản thẩm định ngày 27/12/2017 của Hội đồng thẩm định và bản vẽ sơ đồ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T (nay là Văn phòng đăng ký đất đai huyện T).

2. Về tài sản trên đất: Giao chị Nguyễn Thị Bích Q được sở hữu toàn bộ số cây keo ông Võ Hữu C đã trồng trên đất trị giá 9.447.800đ. Buộc chị Nguyễn Thị Bích Q có nghĩa vụ phải trả lại cho ông Võ Hữu C giá trị cây keo bằng tiền là 9.447.800 đồng (chín triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, tám trăm đồng).

3. Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Áp dụng Điều 157, Điều 158, Điều 165 và khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 buộc ông Võ Hữu C phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích Q số tiền là 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) đã chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ. Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích Q 800.000 đồng số tiền tạm ứng chi phí thẩm định và định giá tài sản còn thừa.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích Q không phải chịu án phí DSST nhưng phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 5% của số tiền 9.447.800 đồng giá trị cây keo trên đất tranh chấp là 472.390 đồng (bốn trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm chín mươi đồng). Chị Q được khấu trừ số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp trước. Vậy chị Q phải nộp thêm số tiền án phí dân sự có giá ngạch còn thiếu là 272.390 đồng.

Ông Võ Hữu C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí về yêu cầu độc lập không được chấp nhận. Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị Bích Q; đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Duy Ph, vắng mặt ông Võ Hữu C, ông Vũ Xuân H. Tuyên bố nguyên đơn; đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/9/2018). Đối với bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn (ông Vũ Xuân H) thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú của các đương sự (UBND xã T, huyện T và UBND phường B, thành phố Đ, Quảng Bình).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

(đã ký)

Đoàn Thị Bích Thủy

